TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-3-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Nguyễn Hoài Thương

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai - *Kiểm sát viên*

Ngày 08/3/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2019/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019, về việc tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cao Văn P, sinh năm: 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. ***Bị đơn:*** Bà Lý Thị Mỹ L, sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Cao Văn P trình bày:

Ông P và bà L tự nguyện sống chung vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung thì ông P và bà L sống tự lập tại ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Đến năm 2003 thì ông P và bà L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau và đã không còn sống chung từ năm 2004 cho đến nay. Nay ông P xin được ly hôn với bà L.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông P và bà L có 02 con chung tên Cao Văn L, sinh ngày 15/3/2000 và Cao Văn T, sinh ngày 04/6/2002. Đối với

cháu L đã trưởng thành, còn cháu T thì ông P và bà L tự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện bà L không có mang thai với ông P và ông P, bà L cũng không có con nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Lý Thị Mỹ L trình bày:

Thống nhất với ông P về thời gian sống chung, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn. Hiện bà L và ông P đã không còn sống chung từ năm 2004 cho đến nay. Nay ông P xin ly hôn thì bà L đồng ý. Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Văn L, sinh ngày 15/3/2000 và Cao Văn T, sinh ngày 04/6/2002. Đối với cháu L đã trưởng thành, còn cháu T thì bà L và ông P tự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện bà L không có mang thai và cũng không có con nuôi. Về tài sản và nợ chung đều không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn P.

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cao Văn P và bà Lý Thị Mỹ L.

+ Về con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ông Cao Văn P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lý Thị Mỹ L. Xét bà L cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Bình P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông P và bà L tự nguyện sống chung từ năm 1998, có con chung và mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nhưng quá trình sống chung và hiện nay ông P và bà L vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó theo quy định tại Điều 14 luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*. Nay ông P và bà L đều thừa nhận phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2004. Hiện không còn tình cảm với nhau và xin được ly hôn nên có đủ cơ sở để HĐXX không công nhận ông P và bà L là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung ông P và bà L có 02 con chung tên Cao Văn L, sinh ngày 15/3/2000 và Cao Văn T, sinh ngày 04/6/2002. Đối với cháu L đã trưởng thành, còn cháu T thì ông P và bà L tự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 8, Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn P

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cao Văn P và bà Lý Thị Mỹ L

2. Về con chung: Ông P và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông P chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006364 ngày 03/01/2019.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Khánh Duyên